TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - H phúc

Bản án số: **12**/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 12/5/2020
V/v: *"Ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thông Phi.

2. Bà Bùi Thị Luyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Tâm - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 371/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019, về việc: "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 2 năm 2020; quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST - HNGĐ ngày 09/3/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn 2, xã B, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Minh T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn 2, xã B, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn – Chị Nguyễn Thị H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào năm 2000. Chị H và anh T chung sống H phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu về nhà gây gỗ,dùng những

lời lẻ xúc phạm chị H. Cho nên, vợ chồng thường xảy ra cãi vã nhau. Chị H và anh T không còn sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau. Chị H không còn tình cảm gì với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chị H và anh T có 01 người con chung tên Phạm Thị Tường Vi, sinh ngày 18/6/2001. Hiện con đã thành niên và có khả năng lao động nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn – Anh Phạm Minh T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2000 anh Phạm Minh T và chị Nguyễn Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau H phúc. Sau đó, do anh T uống rượu nên vợ chồng thường cãi vả nhau. Anh T vẫn còn tình cảm với chị H nên mong muốn vợ chồng tiếp tục chung sống lại. Cho nên, anh T không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị H có một người con chung tên Phạm Thị Tường Vi, sinh ngày 18/6/2001. Hiện con đã thành niên nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

Chị Nguyễn Thị H cung cấp các tài liệu chứng cứ gồm: 01 giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; 01 giấy chứng minh nhân dân (bản sao); 01 bản cam kết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh Phạm Minh T và xác minh tại địa phương về tình trạng quan hệ hôn nhân của anh T và chị H.

[4]. Những vấn đề các đương sự đã thống nhất:

- *Về con chung:* Anh T và chị H có một người con chung tên Phạm Thị Tường Vi, sinh ngày 18/6/2001. Do Phạm Thị Tường Vi đã thành niên và có khả năng lao động nên anh T, chị H không có yêu cầu gì.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Những vấn đề các đương sự không thống nhất:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị H không mong muốn tiếp tục chung sống với anh T nên đề nghị giải quyết ly hôn. Anh T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

[6]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Hội đồng xét xử và các đương sự trong vụ án: Tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng:

- Khoản 3 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 146, 147, 203, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phạm Minh T.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Toà án đã triệu tập anh Phạm Minh T hai lần hợp lệ nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn anh Phạm Minh T. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Phạm Minh T là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật trong vụ án:

Nguyên đơn –Chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn. Ngoài ra các đương sự không có yêu cầu nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là *"Ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn – Chị Nguyễn Thị H:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2000, chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Minh T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống H phúc với nhau. Thế nhưng, đến năm 2019 anh T thường xuyên uống rượu nên vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Do mỗi lần uống rượu về anh T thường kiếm chuyện gây gỗ, dùng những lời lẻ xúc phạm đến chị H nên vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mặc dù, chị H đã nhiều lần vận động, khuyên răn nhưng anh T vẫn không thay đổi được tính tình. Mặc dù, anh T vẫn còn tình cảm với chị H nên không đồng ý ly hôn. Thế nhưng, chị H vẫn không còn mong muốn tiếp tục chung sống với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 19/02/2020 thể hiện: Do anh T thường uống rượu nên vợ chồng chung sống không còn H phúc. Mặc dù, đã được gia đình khuyên răn nhưng anh T vẫn không thay đổi được tính tình.

Xét thấy: Tại phiên tòa, chị H xác định không còn tình cảm với anh T. Vợ chồng chung sống không có H phúc nên đã ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân, anh T không liên lạc hay gặp chị H để tác động quay về chung sống lại với nhau. Hiện nay, các bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tại các biên bản xác minh có trong hồ sơ vụ án đều xác định: Cuộc sống vợ chồng của anh T và chị H không có H phúc.Như vậy, điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài; vợ chồng chung sống không có H phúc; mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ để chấp nhận. Cho nên, cần xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Minh T được ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có một người con tên là Phạm Thị Tường Vi, sinh năm 2001 đã thành niên và có khả năng lao động. Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cho nên, Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, cho nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về án phí: Cần buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phạm Minh T.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn mà chị H đã nộp theo biên lai số 0027156, ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/5/2020). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định (đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã B;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Yến